

Số: /2025/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của xi măng

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của xi măng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của xi măng thực hiện kê khai giá, bao gồm: Clanhke xi măng poóc lăng; Xi măng poóc lăng; Xi măng poóc lăng trắng; Xi măng poóc lăng bền sulfat; Xi măng poóc lăng ít tỏa nhiệt; Xi măng poóc lăng hỗn hợp; Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phát; Xi măng poóc lăng hỗn hợp ít tỏa nhiệt; Xi măng alumin, Xi măng nở; Xi măng xây trát; Xi măng đóng rắn nhanh; Xi măng đa cấu tử; Xi măng poóc lăng puzôlan; Xi măng poóc lăng xỉ lò cao; Xi măng xỉ lò cao hoạt hóa sulfat; Xi măng giống khoan.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các doanh nghiệp sản xuất xi măng; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của các loại xi măng

1. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của xi măng được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và tiêu chuẩn được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật và tiêu chuẩn mới.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tổng Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ Xây dựng: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, Vụ KHCNMT&VLXD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Sinh

PHỤ LỤC

ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA XI MĂNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BXD ngày tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1. Clanhke xi măng poóc lăng

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Clanhke xi măng thông dụng, C _{PC}	Clanhke xi măng poóc lăng là sản phẩm thu được sau khi nung hỗn hợp nguyên liệu như đá vôi, đất sét và nguyên liệu điều chỉnh (laterit, silic, boxide...) có thành phần cần thiết đến kết khối để tạo thành các khoáng chủ yếu gồm canxi silicat cũng như canxi aluminat và canxi alumôferít	C _{PC} 40 C _{PC} 50 C _{PC} 60	Tấn	TCVN 7024:2013
2	Clanhke xi măng trắng, C _{WPC}		C _{WPC} 40 C _{WPC} 50		
3	Clanhke xi măng bền sun phát trung bình, C _{MSR}		C _{MSR} 40 C _{MSR} 50		
4	Clanhke xi măng bền sun phát cao, C _{HSR}		C _{HSR} 40 C _{HSR} 50		
5	Clanhke xi măng tỏa nhiệt trung bình, C _{MHH}		C _{MHH} 30 C _{MHH} 40		
6	Clanhke xi măng tỏa nhiệt thấp, C _{LHH}		C _{LHH} 30 C _{LHH} 40		
7	Clanhke xi măng giềng khoan chủng loại G, C _{OW}		C _{OW} -G		

2. Xi măng poóc lăng

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng, PC	Xi măng poóc lăng là chất kết dính thủy, được	PC40 PC50	Tấn	TCVN 2682:2020

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
		chế tạo bằng cách nghiền mịn clanhke xi măng poóc lăng với một lượng thạch cao cần thiết. Trong quá trình nghiền có thể sử dụng bổ sung thêm phụ gia đá vôi lên tới 5 %; phụ gia công nghệ hữu cơ lên tới 1 %			

3. Xi măng poóc lăng trắng

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng trắng, PCW	Xi măng poóc lăng trắng được chế tạo bằng cách nghiền mịn hỗn hợp clanhke xi măng poóc lăng trắng với một lượng thạch cao cần thiết, có pha hoặc không pha các phụ gia trắng. Trong quá trình nghiền có thể sử dụng phụ gia công nghệ nhưng không quá 1 % khối lượng xi măng	PCW30.I PCW30.II PCW30.III PCW40.I PCW40.II PCW40.III PCW50.I PCW50.II PCW50.III	Tấn	TCVN 5691:2021

4. Xi măng poóc lăng bền sulfat

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng bền sulfat	Xi măng poóc lăng bền sulfat là sản phẩm được	PC _{MSR} 30 PC _{MSR} 40	Tấn	TCVN 6067:2018

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
	trung bình, PC _{MSR}	nghiền mịn từ clanhke xi măng poóc lăng bền	PC _{MSR} 50		
2	Xi măng poóc lăng bền sulfat cao, PC _{HSR}	sulfat với lượng thạch cao cần thiết. Có thể sử dụng phụ gia công nghệ nhưng không quá 1 % so với khối lượng clanhke	PC _{HSR} 30 PC _{HSR} 40 PC _{HSR} 50	Tấn	TCVN 6067:2018

5. Xi măng poóc lăng ít tỏa nhiệt

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng tỏa nhiệt trung bình, PC _{MH}	Xi măng poóc lăng ít tỏa nhiệt là chất kết dính thủy, được chế tạo bằng cách nghiền mịn clanhke	PC _{MH} 30 PC _{MH} 40	Tấn	TCVN 6069:2007
2	Xi măng poóc lăng tỏa nhiệt thấp, PC _{LH}	xi măng poóc lăng ít tỏa nhiệt và một lượng thạch cao cần thiết	PC _{LH} 30 PC _{LH} 40		

6. Xi măng poóc lăng hỗn hợp

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng hỗn hợp, PCB	Xi măng poóc lăng hỗn hợp là chất kết dính thủy, được sản xuất bằng cách nghiền mịn hỗn hợp clanhke xi măng poóc lăng với một lượng thạch cao cần thiết và các phụ gia khoáng, có thể sử dụng phụ gia công nghệ (nếu cần) trong quá trình	PCB30 PCB40 PCB50	Tấn	TCVN 6260:2020

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
		nghiền hoặc bằng cách trộn đều các phụ gia khoáng đã nghiền mịn với xi măng poóc lăng			

7. Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phát

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phát trung bình, MS	Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phát là một trong các loại xi măng: Xi măng poóc lăng hỗn hợp (theo TCVN 6260:2020) hoặc xi măng poóc lăng xỉ lò cao (theo TCVN 4316:2007) hoặc xi măng đa cấu tử (theo TCVN 9501:2013) khi thỏa mãn yêu cầu kỹ thuật của tiêu chuẩn TCVN 7711:2013	PCB30-MS PCB40-MS PCB50-MS CC30-MS CC40-MS PCB _{BFS} 30-MS PCB _{BFS} 40-MS PCB _{BFS} 50-MS	Tấn	TCVN 7711:2013
2	Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phát cao, HS		PCB30-HS PCB40-HS PCB50-HS CC30-HS CC40-HS PCB _{BFS} 30-HS PCB _{BFS} 40-HS PCB _{BFS} 50-HS		
3	Xi măng poóc lăng hỗn hợp siêu bền sun phát, US		PCB30-US PCB40-US PCB50-US CC30-US CC40-US PCB _{BFS} 30-US PCB _{BFS} 40-US PCB _{BFS} 50-US		

8. Xi măng poóc lăng hỗn hợp ít tỏa nhiệt

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng hỗn hợp tỏa nhiệt trung bình, MH	Xi măng poóc lăng hỗn hợp ít tỏa nhiệt là một trong các loại xi măng: Xi măng poóc lăng hỗn hợp (theo TCVN 6260:2020) hoặc xi măng poóc lăng xỉ lò cao (theo TCVN 4316:2007) hoặc xi măng đa cấu tử (theo TCVN 9501:2013) khi thỏa mãn yêu cầu kỹ thuật của tiêu chuẩn TCVN 7712:2013	PCB30-MH PCB40-MH PCB50-MH CC30-MH CC40-MH PCB _{BFS} 30-MH PCB _{BFS} 40-MH PCB _{BFS} 50-MH	Tấn	TCVN 7712:2013
2	Xi măng poóc lăng hỗn hợp tỏa nhiệt thấp, LH		PCB30-LH PCB40-LH PCB50-LH CC30-LH CC40-LH PCB _{BFS} 30-LH PCB _{BFS} 40-LH PCB _{BFS} 50-LH		
3	Xi măng poóc lăng hỗn hợp tỏa nhiệt rất thấp, VLH		PCB30-VLH PCB40-VLH PCB50-VLH CC30-VLH CC40-VLH PCB _{BFS} 30-VLH PCB _{BFS} 40-VLH PCB _{BFS} 50-VLH	Tấn	TCVN 7712:2013

9. Xi măng alumin

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng alumin thường, AC _N	Xi măng alumin được chế tạo từ clanhke xi măng alumin (định nghĩa theo TCVN 5438:2016) có hoặc không có phụ gia	AC _N 40	Tấn	TCVN 7569:2022
2	Xi măng alumin cao, AC _H		AC _H 50 AC _H 60		
3	Xi măng alumin đặc biệt, AC _S		AC _S 70 AC _S 80		

10. Xi măng nở

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng nở, E	Xi măng nở là xi măng có thành phần chủ yếu gồm các khoáng canxi silicat, canxi aluminat và canxi sun phát, khi trộn với nước tạo thành dạng hồ dẻo, sau khi đông kết tăng thể tích đáng kể trong suốt quá trình đông rắn ở tuổi sớm. Thể tích tăng lên chủ yếu do phản ứng thủy hóa của các khoáng canxi aluminat và canxi sunfat	E-(K) E-(M) E-(S)	Tấn	TCVN 8873:2012

11. Xi măng xây trát

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng xây trát, MC	Xi măng xây trát là chất kết dính thủy dạng bột mịn, thành phần gồm clanhke xi măng poóc lăng và phụ gia khoáng, có thể có phụ gia hữu	MC5 MC15 MC25	Tấn	TCVN 9202:2012

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
		cơ. Khi nhào trộn với cát và nước, không cần cho thêm các vật liệu khác, thu được vữa tươi có tính công tác phù hợp để xây và hoàn thiện			

12. Xi măng đóng rắn nhanh

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng đóng rắn nhanh, RH	Xi măng đóng rắn nhanh là xi măng hoặc xi măng hỗn hợp, có hoặc không có thành phần khác, phụ gia công nghệ, phụ gia chức năng, phát triển cường độ nhanh trong 24h đầu hydrat hóa	URH VRH MRH GRH	Tấn	TCVN 9488:2012

13. Xi măng đa cấu tử

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng đa cấu tử, CC	Xi măng đa cấu tử là chất kết dính thủy, được sản xuất bằng cách nghiền mịn hỗn hợp clanhke xi măng poóc lăng với một lượng thạch cao cần thiết và các phụ gia khoáng hoặc bằng cách trộn đều hỗn hợp các phụ gia khoáng đã nghiền mịn với xi măng poóc lăng; trong đó tổng hàm lượng phụ	CC30 CC40	Tấn	TCVN 9501:2013

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
		gia khoáng trên 40 % đến 80 % theo khối lượng xi măng; có thể sử dụng phụ gia công nghệ (nếu cần) trong quá trình nghiền			

14. Xi măng poóc lăng puzôlan

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng puzôlan, PC _{puz}	Xi măng poóc lăng puzôlan là xi măng được sản xuất bằng cách nghiền mịn hỗn hợp clanke xi măng poóc lăng với phụ gia hoạt tính puzôlan và một lượng thạch cao cần thiết hoặc bằng cách trộn đều puzôlan đã nghiền mịn với xi măng poóc lăng	PC _{puz} 20 PC _{puz} 30 PC _{puz} 40	Tấn	TCVN 4033:1995

15. Xi măng poóc lăng xỉ lò cao

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng xỉ lò cao loại I, PCB _{BFS} I	Xi măng poóc lăng xỉ lò cao được chế tạo bằng cách nghiền mịn hỗn hợp clanhke xi măng poóc lăng với xỉ hạt lò cao và một lượng thạch cao thích hợp; hoặc trộn đều xỉ hạt lò cao đã nghiền mịn với xi măng poóc lăng	PCB _{BFS} I30 PCB _{BFS} I40 PCB _{BFS} I50	Tấn	TCVN 4316:2007
2	Xi măng poóc lăng xỉ lò cao loại II, PCB _{BFS} II		PCB _{BFS} II30 PCB _{BFS} II40 PCB _{BFS} II50		

16. Xi măng xỉ lò cao hoạt hóa sulfate

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng xỉ lò cao hoạt hóa sulfate, SSC	Xi măng xỉ lò cao hoạt hóa sulfate là chất kết dính thủy lực, tức là một vật liệu vô cơ mịn khi trộn với nước, sẽ tạo thành dạng hồ nhão có khả năng đông kết và đóng rắn do các phản ứng thủy hóa và quá trình thủy hóa và sau khi đóng rắn, duy trì được cường độ và ổn định ngay cả khi ngập trong nước	SSC32,5L SSC32,5N SSC42,5L SSC42,5N SSC52,5L SSC52,5N	Tấn	TCVN 13947:2024

17. Xi măng giềng khoan

TT	Tên sản phẩm, ký hiệu	Mô tả sản phẩm	Quy cách, mức	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng giềng khoan chủng loại G, PC _{ow}	Xi măng giềng khoan chủng loại G là sản phẩm thu được từ việc nghiền từ clanhke xi măng giềng khoan chủng loại G với một lượng thạch cao cần thiết và không pha thêm bất kỳ một loại phụ gia nào khác	PC _{ow} - G	Tấn	TCVN 7445-1:2004